



Phuong T. Phi Nga  
&  
Cha Mẹ



## Người Cha Không Chân Dung

Năm 1975 - năm của mất mát chia lìa, của miền Nam tang tóc lại là năm lần đầu tôi gặp người đã tạo cho tôi hình hài sự sống.

Cuối đông 1930, năm Canh Ngọ, ba tôi ra đời tại phường Phú Nhơn, Nội Thành Huế. Thầy bói tử vi nói là ba tôi số long đong “canh cô mồ quả”. Tuy không tin bói toán nhưng nghiệm lại cuộc đời ba tôi quả có phần đúng. Ông nội tôi nguyên quán huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, về làm quan kinh đô Huế và lập gia đình tại đây. Ông nội về sau, vào thời Pháp thuộc, làm công chức và được chánh phủ Nam Triều tặng tước hàm “Hàn Lâm Viện Thị Giảng“. Bên ngoài của ba tôi, ông tôi giữ chức Thông Sự Trường Bá Công thời vua Bảo Đại, ông cố là một trong những người vẽ họa đồ xây dựng lăng tẩm triều đình.

Ba tôi lớn lên trong sự giáo huấn nghiêm khắc của cha và lòng bao dung của mẹ. Cuộc sống thuộc giai cấp trung lưu bên bờ sông Hương trôi trầm lặng, trong căn nhà rộng lớn cây cối um tùm nằm trên đường Tịnh Tâm trong thành nội. Ba tôi đi học trường Quốc Học, các chị em của ba tôi đi học trường Đồng Khánh và được đón đưa bằng xe kéo. Vào trường ông học

quốc ngữ nhưng khi về nhà ông nội bắt ba tôi học thêm tiếng Hán Việt trong sách Tam Tự Kinh.

Năm 1944, mùa đông âm đạm. Những hàng cây nhãn bên vệ đường trút bỏ những lá vàng đầy mặt đường. Mùa đông năm đó lạnh và đói. Kinh thành Huế ủ dột, tiêu tụy. Sáng sáng, người phu xe gầy gò còng lưng kéo xe; trên xe là những quan Tây vào làm việc ở đồn Mang Cá hay những quan lại vận áo the, khăn đóng, giày hạ đi làm việc ở Tam Tòa Lục Bộ. Nét mặt họ đăm chiêu suy tư lo nghĩ.

Sáng sáng tiếng rao hàng nghe sao nã nuốt, trời mưa Huế làm thời tiết lạnh lẽo và các bộ hành mỗi người khoác chiếc áo toi lá làm lũi bước nhanh dưới mưa.

Trên đường phố người ăn xin kéo từng đoàn từ miền Bắc vào đi ăn xin. Có nhiều người chết đói nằm các góc đường. Thời đó ngoài Bắc, nạn đói lan tràn vì Nhật bắt dân phá ruộng trồng đay. Dân mất ruộng lúa đói kém dất dứu nhau tràn xuống miền Nam. Giá cả tăng vọt, gạo khan hiếm, dân chúng giành giật nhau để mua từng lon gạo. Trên phố, từng tốp lính Nhật, kiếm dài đeo lưng, nện ủng xuống mặt đường bước nghênh ngang ngoài đường phố. Còn lính Pháp, lính khố xanh khố đỏ thì tiu nghỉu như mèo cắt tai nhón nha nhón nhác.

Trong hoàn cảnh đó như các gia đình khác, gia đình ông bà tôi sa sút, đồng lương hưu của ông nội không nuôi sống nổi gia đình. Tài sản được bán dần dần để ăn. Bà tôi rất giỏi nữ công gia chánh phải bắt đầu làm bánh thuẫn cho các O, các dì đi ra chợ bán. Quần quật cả ngày bên bếp lửa, bà tôi vốn không quen sự vất vả, bị cảm nặng. Bà đau thương hàn nhập lý và sau một tuần là bà qua đời. Bà con bên ngoại từ An Cựu qua lo tống táng trong khi ông nội, trước sự ra đi quá đột ngột của người vợ hiền, quá buồn chỉ biết lấy rượu giải sầu suốt thời gian tang chế.

Ba tôi và các O từ đó nghỉ học và ba tôi, người con trai duy nhất trong gia đình đi làm đủ nghề như phụ thợ nề, đi bán kẹo dạo, bán báo, viết thư thuê, trèo cây hái cau mướn.

Đầu năm 1945, đời sống càng tàn tệ, nạn đói tràn lan. Bộ mặt kinh thành Huế sao âm đạm thê lương như những lớp rêu

phong phủ mờ trên các thành quách Huế. Những đại thụ trước cửa Ngọ Môn trơ lá và bên dưới là những bộ xương người còm cõi chờ đợi bước đi vô phương hướng.

Nội các Phạm Quỳnh bắt đầu lung lay. Tòa Khâm Sứ nằm bên hữu ngạn sông Hương nơi các công chức đi đi về về như thường lệ nhưng nét mặt đăm chiêu lo lắng.

Những tốp lính Nhật đi tuần tra, trên đầu là mũ lưỡi trai ngắn cũn cỡn, vai khoác khẩu súng trường Nhật với lưỡi lê sáng quắc, mặt nghênh ngang. Có những đưng độ nhỏ nhỏ giữa hai đám lính Pháp - Nhật, có những cuộc dội bom của quân Đồng Minh vào các đồn đóng quân của Nhật.

Tháng ba năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp chiếm Đông Dương dưới chiêu bài Đại Đông Á. Sau cuộc đảo chánh Pháp thua, ông tôi mất hết lương hưu, gia đình khánh kiệt. Ông tôi bệnh nặng rồi chết, lúc đó ba tôi 15 tuổi đã mồ côi cha mẹ.

Thời gian đó, những người Cộng Sản len lỏi vào đám thợ thuyền và người nghèo. Ba tôi có một người cậu, người làng Hiền Lương, là một cán bộ Cộng Sản hoạt động ra mặt vào lúc này. Những tờ truyền đơn của Việt Minh kêu gọi phong trào cứu quốc. Đêm đến, từng toán tự vệ vác gậy tre, gậy mác Lào, dao kiếm trên vai tập đi rầm rập theo bước một hai. Đoàn người từ Hương Trà kéo qua cửa An Hòa, dân từ Phong Điền, Quảng Điền, Hương Thủy vào Huế. Đoàn người càng đi càng đông, lôi cuốn kích thích thanh niên nam nữ tham gia với những khẩu hiệu cứu nước, đả đảo phát xít Nhật, Việt Nam độc lập muôn năm, Việt Minh muôn năm. Trên sông Hương, đò chở người từ Phú Vang, Phú Lộc đầy sông tạo nên một khí thế khiến quân Nhật án binh bất động, bông súng đứng nhìn.

Huế có câu "Gánh cực mà đổ lên non, công lưng mà chạy cực còn theo sau". Đến năm 1952, các O của ba tôi quyết định theo bà con về Nam, định cư tại Sài Gòn. Ba tôi là con trai độc nhất trong nhà, dự định phải ở lại trông nom mồ mả, miếng vườn và căn nhà nằm trong thành nội Huế nhưng thời gian sau, theo lời phũ phàng của người cậu hoạt động cho Cộng Sản, ba tôi nhờ người chú họ trông nom đất đai vườn tược, từ già

mọi người. Ông dẫn theo người vợ mới cưới và lên đường tập kết.

Đến thành phố Vinh, đoàn người dừng lại chờ đợi xe lửa và ghe thuyền để di chuyển về phía Bắc. Ba tôi đi trước, mẹ tôi và một số phụ nữ ở lại chờ đi bằng đường thủy. Trong những đêm bơ vơ lạnh lẽo, nhìn vàng trắng vắt ngang bầu trời đầy sao sáng, nỗi nhớ nhà nhớ cha mẹ còn ở Huế chợt dâng trào khiến mẹ tôi bật khóc. Trong đoàn, các chị cũng khóc theo. Cuối cùng mẹ tôi cùng hai người bạn thân tìm cách trốn về. Vất vả lắm mẹ tôi mới sống sót an toàn về lại nhà ông bà ngoại nằm bên thôn Vỹ Dạ. Đó là hè năm 1953.

Đầu năm 1954 tôi ra đời, mẹ tôi sau đó không thể ở lại Huế nên lìa quê đi vào Sài Gòn lập nghiệp và không có tin gì về ba tôi từ đó.

Khi miền Nam thất thủ, đa số dân tập kết được bỏ về nguyên quán. Ba tôi về cố đô Huế, sau hơn 20 năm ăn măng, ăn sắn, ăn đạn pháo, ăn bom... đúng nghĩa đen, sống với sốt rét dọc trên con đường mòn rặng Trường Sơn.

Ông giữ chức Tham Mưu Trưởng Thành Đội Huế. Quân hàm là gì thì ông không nói nên không ai biết. Người chú họ giữ căn nhà hương hỏa vào Sài Gòn báo tin cho mẹ tôi hay.

Suốt hơn hai mươi năm chia tay chồng rồi bỏ Huế ra đi, mẹ tôi không có tin tức gì của ông và trong thâm tâm chúng tôi tin rằng ông đã mất. Nay được tin ông, chúng tôi hồi hộp vui buồn lẫn lộn.

Khi hai người chia tay đi hai hướng, mẹ tôi còn rất trẻ và vào Sài Gòn mẹ lập lại gia đình. Tôi sống trong tình yêu thương hạnh phúc của người cha dượng nuôi tôi từ tấm bé. Tình cảm về người cha đẻ hoàn toàn không có. Sự tò mò khi nghe tin sẽ gặp mặt ông tại Huế khiến tôi nhiều đêm mất ngủ. Mẹ tôi chuẩn bị dịp này về thăm xứ Huế và dẫn tôi về theo cho ông biết mặt.

Thời đó, tháng 5 năm 1975, xe từ Sài Gòn ra Huế chưa nhiều nên chuyến nào cũng chật cứng dù phải khó khăn lắm mới xin phờng khóm được miếng giấy đi đường. Chật vật lắm chúng tôi mới có vé để lên một chiếc xe đò cũ. Trong xe đủ mùi hôi.

Tài xế cứ nhấp thẳng gấp khi bắt thần có người bên đường giơ tay muốn đi. Tài xế rước thêm khách đón bên ngoài bến xe gọi là khách trả tiền chui, không bị ban quản lý vé tại xa cảng thu tiền nên tài xế cứ nhét thêm, có người phải bám vào thành xe trên suốt đoạn đường ra Trung khiến tôi phải bôi dầu xanh liên tục để trần cơn ỏi mưa. Bến xa cảng miền Đông, sau tháng 4 năm 75, đầy người nằm ngòì trên mặt xi măng lầy lội bùn đất sinh lầy sau cơn mưa để chờ mua vé chờ xe để được về nguyên quán.

Đường xá ra Huế bị hư hỏng, xói lở nhiều đoạn bởi các cuộc đánh phá của Việt Cộng trước đây. Xe chạy đến đèo Cả ( ranh giới giữa Khánh Hòa và Phú Yên) thì trời đã tối, xe chở nặng chạy trên đường chênh vênh bị trượt bánh lăn xuống hố cạnh đường. Người và hàng hóa trong xe dồn ép lên nhau kêu la thảm khốc. Một số người bị dẹp chết trong xe. Mẹ tôi và tôi ngòì hàng thứ ba sát cửa may mắn bị thương nhẹ, đêm đó chúng tôi lòì những người kẹt trong xe ra đem đi cấp cứu và mãi trưa hôm sau chúng tôi mới có xe đi ra Huế.

Chúng tôi trở về căn nhà ông bà nội ở trong Thành Nội chờ ba tôi đến. Lúc đó do tình trạng an ninh nên những đoàn quân tập kết về chưa được đi ra ngoài sinh sống mà phải ở trong cơ quan khu quân sự.

Trong lúc tôi đang ngòì nói chuyện với các chị em họ thì ba tôi và hai người lính cận vệ bước vào. Không ai đeo quân hàm, nên dù được báo tin trước "Ba mi chừ giữ chức to lắm, nhân vật số 1 thành phố Huế.", tôi không biết ai là ba của mình. Người nào cũng trong bộ quân phục bèo nhèo màu vàng úa, màu da vàng vọt, mang đôi dép quai râu nên trông rất giống nhau. Bộ quân phục làm lòng tôi tự dưng lạnh tanh, có một cái gì ai oán trong lòng khiến tôi nhận ba mà tình cảm lại nghĩ nhiều về người cha trong Sài Gòn. Tôi nghĩ đến lá cờ Vàng trong sân trường, trong các dinh thự tại Sài Gòn bị kéo xuống, biểu hiện nền dân chủ của Việt Nam Cộng Hòa đã tức tưởi chấm dứt. Tôi nghĩ đến các đồng quần áo lính rất đẹp, rất oai hùng của các binh chủng quân lực VNCH được tháo trút vội vàng đổ đồng bên các lê phố Sài Gòn vào ngày 30 tháng Tư. Sắc mặt lạnh tanh của tôi khi gặp ba khiến các người bà

con lo lắng. Họ biện bạch khóa lấp rằng: “Nó còn lạ, phải có thời gian cho nó!”

Thời gian nào cho tôi? Thời gian mười hôm ở Huế quá ngắn làm sao đèn bù hơn hai mươi năm xa cách và xa lạ. Người-cha-không-chân-dung dù bây giờ biết mặt, tuy nhiên vẫn như trong quá khứ khi mẹ tôi nhắc đến danh từ này, vẫn không cho tôi một cảm giác thân thương nào. Hơn thế nữa, tôi đã có một người cha lấp đầy trái tim tôi từ hồi tôi còn đỏ hỏn. Tình phụ tử thiêng liêng tôi đã trút hết cho một người dưỡng nuôi thương yêu lo lắng cho tôi từ tấm bé. Người nào đã đưa tôi đi học những ngày đầu? Người nào chờ tôi bước ra cổng trường. Người nào đợi tôi trước trung tâm của phòng thi trong các kỳ thi tuyển? Người nào cực nhọc cùng mẹ nuôi tôi, cho tôi một cuộc sống trung lưu trong những ngày nắng ngày gió Sài Gòn? Người nào đã nhẹ nhàng khuyên bảo và đã báo tin cho tôi biết là tôi bị người tình đầu đời lừa dối là anh ấy chưa có gia đình? Người cha đó sẽ ra sao trong những ngày kế tiếp, trong những ngày tương lai sẽ là những ngày tăm tối dưới chế độ mới này?

Trở lại Sài Gòn, tôi chuẩn bị cho cha tôi đi học tập với lệnh tập trung 10 ngày bất bình thường! Nó bất bình thường vì không phải là 24 giờ thường tình như luật định! Họ ấn định 10 ngày thành bao nhiêu năm tùy họ dù ông chỉ là công chức bình thường.

Tôi cũng bị xem là đứa con bất bình thường khi chối từ người cha để. Người mà sau bao nhiêu năm lặn biển giờ trở về đầy quyền lực! Bà con bên nội ở Huế kêu rêu, chỉ chiết, nói mẹ tôi không biết dạy con! Tôi có bất bình thường khi dồn hết tâm tư đi thương người cha dưỡng dục chẳng?

Vài năm sau cha mẹ tôi giúp cho tôi đóng vàng đi vượt biên. Khi định cư nơi xứ người tôi luôn nhớ về cha, người cha dưỡng dục của tôi. Thỉnh thoảng tôi cũng nhớ về người-cha-không-chân-dung nhưng kèm theo đó chỉ là nỗi buồn sâu thẳm. Ông cũng như đa số lớp thanh niên trẻ trung thời đó ôm ấp nhiệt tình yêu nước chống ngoại xâm và bị một chiêu lừa. May mà ông không bị bỏ xác trong rừng Trường Sơn!

Tôi thầm nghĩ mình may mắn vì mẹ tôi nhớ nhà nhớ thân sinh

và quyết định quay về Nam, nếu không, tôi cũng sẽ sống suốt cuộc đời trên con đường mòn trong dãy núi Trường Sơn khôn khổ!

Khi cha dưỡng dục qua đời, tôi vì nhiều lý do không quay về Sài Gòn để đưa tiễn nhưng lòng tôi quặn thắt đau buồn khi nghe tin cha mất! Những ngày tháng tù đầy làm cha kiệt sức nên vài năm sau khi được tự do, ông ra đi! Cha mất khi ông chưa qua ngưỡng cửa tuổi 66, tuổi của tôi bây giờ! Khi nghĩ về tình phụ tử, về công ơn trời biển hay khi đặt bút viết về tình phụ tử thì luôn luôn đối với tôi, ông là người cha đích thực! Trong đầu và trong tim tôi chỉ duy nhất có bóng hình người cha dưỡng dục.

Tháng 10 năm ngoái, người cha đẻ cũng đã qua đời. Tôi không về dù ai đó có nói nghĩa tử là nghĩa tận! Chỉ cần dăm ba phút cho tinh trùng trở thành mầm sống, công ơn sanh thành có đáng được đề cao? Tôi không giận, không trách ba. Ông thật sự đâu muốn và đâu biết phải chia ly với đứa con đầu. Chỉ là không gần gũi không tình cảm. Chỉ là khi gặp lại, tôi đã trưởng thành và đứng về chiến tuyến đối nghịch với ba. Một thảm cảnh nhiều gia đình trong Nam gánh chịu khi VN bị miền Bắc thu về một mối!

Xin đốt cho ba một nén hương lòng.

Năm nay, qua một người đi VN ăn Tết trở về Đức, tôi nhận được hai cuốn hồi ký của ông, tổng cộng 900 trang và một tập thơ hơn tám chục bài mà ông đã sáng tác suốt thời gian ông về hưu. Nỗi ngậm ngùi dâng trào và tôi hiểu những uẩn ức của một người tưởng mình đã đi theo lý tưởng người trai cống hiến máu xương cho tổ quốc VN! Để rồi thời gian sau đó khi trở về nơi chôn nhau cắt rún, sống tại miền Nam thấy thời thế và những trái khuấy của nhóm cầm quyền trung ương, những đau buồn của xã hội, những đấu đá tranh giành quyền lực và quyền lợi của những người mà quá khứ đã từng cùng nhau vào sanh ra tử! Ông mới biết mình từng là kẻ ngây thơ đến ngây ngô. Kẻ nào không dễ dàng chui luôn vào bánh xe thời thế đang quay, kẻ đó bị đào thải tức khắc! Vắt chanh bỏ vỏ là quy luật của tình đồng đảng của người CS.



Đọc xong hồi ký của ông tôi bật khóc, giọt nước mắt lần đầu chảy thương ông. Thương cho cả những người cùng thế hệ như ông, đến lúc gục xuống mất xác nơi rừng thiêng nước độc vẫn bị phình gạt khi họ định ninh cứ tưởng mình đã vì đất nước hy sinh.

Ông đã về hưu sớm, về hưu non giống như những người khi xưa phản đối triều thần đã treo áo mũ từ quan, nhưng cái triều đại vương quyền đó ngày nay khác hẳn xưa. Họ không để ông yên với cái Đảng tịch và bổng lộc ít ỏi là tiền hưu trí. May là ông sống tại căn nhà của ông bà nội để lại, không chiếm cứ đất nhà của ai. May là miếng vườn gần chín trăm mét vuông của ông bà nội khá rộng, đất khá tốt cho ông cùng gia đình sau của ông trông trọt, nuôi sống họ với rau trái hằng ngày.

Sau khi ông mất, căn nhà bề thế với một diện tích vườn khá rộng, nằm tại một vị thế đắc địa cho việc kinh doanh này sẽ bị dòm ngó. Không biết người vợ hiện tại và các em có đủ bản lĩnh để giữ gìn? Trước khi ba tôi mất, dâu rể của ông chú họ, người giữ căn nhà của nội giùm cho ba tôi trong suốt thời gian khi ba tôi đi tập kết, đã xa gần kể công lao đề đòi hoặc chia chác hoặc gạ bán lại cho họ với một giá như cho đi phân nửa. Điều khiến chúng tôi lo ngại là những người dâu rể của ông chú họ đó đang nắm giữ những chức vụ cao tại thành phố Huế. Ngày ông mất là 28 tháng 10, chỉ còn hai ngày là lương hưu trí về, vậy mà chánh quyền địa phương chặn lại! Coi như ông mất tiêu lương hưu tháng 10 vì chết không đúng ngày trọn tháng. Lương hưu tháng 10 ít ỏi mà còn bị đồng chí của ông ăn chặn thì cái gì mà họ không ăn?

Đất nước tiêu tùng, gia đình ly tán. Hồi ký hai tập gần chín trăm trang của ba tôi, ông viết như ghi lại một đoạn lịch sử chiến tranh, một đoạn đời của một con người yêu nước đã lầm đường đồng thời cũng là một cáo trạng về chủ nghĩa Cộng Sản mà một thời ông thần thánh hóa. Tôi chợt nhớ tới ông Nguyễn Mạnh Tường hoặc nhiều nhân tài Việt Nam xuất thân từ miền Nam qua Pháp học thành tài để rồi bị tuyên truyền bị dụ dỗ với mớ lý thuyết vô tưởng! Một lý thuyết không thể hiện hữu thật sự trên cuộc đời này! Họ đã hăm hở rọi ánh sáng để lao vào màn đêm tăm tối! Muốn quay đầu lại cũng khó mà thực

hiện. Jean Paul Sartre đã viết, tôi hiểu đại khái ý là khi đã vào đảng Cộng Sản rồi thì khi đi ra chỉ với đôi bàn chân nằm hướng ra phía trước. Có nghĩa là chỉ đi ra bằng chiếc quan tài! Những tấm gương này đến nay tôi tự hỏi sao không thức tỉnh, lay động đến những người trẻ có trí thức vẫn đang sống sung túc trên các đất nước tự do – họ vẫn mang ảo tưởng về một thiên đàng Cộng Sản? Vẫn tin vào câu “làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu”, vẫn còn tin vào Thế Giới Đại Đồng, vẫn tin vào một xã hội không giai cấp, không có người bóc lột người!

Ba tôi nói tuổi Canh Tý của ba “canh cô mồ quả”, nay ông sẽ được an ủi, không buồn vì rõ ràng cùng thế hệ với ông còn biết bao người đồng chí hướng đồng nhận thức, phơi phới tuổi đôi mươi đã xung phong bỏ trường bỏ lớp bỏ người thương để đi B nghĩa là đi vào miền Nam chiến đấu, để rồi cuối cùng bỏ thây bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc không mồ không mả vì bị gạt lừa với lý tưởng mình đang góp phần trong công cuộc chống ngoại xâm, đi cứu nước.

Ba hãy yên nghỉ nhé ba. Từ đây, sau khi đọc xong chín trăm trang hồi ký của ba, trong tim con có chôn dung ba rồi đó.

“Còn nước Việt Nam chúng ta, họ đã gây ra một đất nước hoang tàn, xã hội băng hoại, lòng dân than oán rồi họ gọi đó là hòa bình!” Câu này là câu tôi tâm đắc nhất trong những nhận định của ông! Với nhận định này, ông đi về hưu non tránh xa guồng máy quyền lực, về để ngày ngày ngắm cây cỏ, để nghe hương sen của hồ Tịnh Tâm thoang thoảng theo gió bay về và viết hồi ký. Tập hồi ký mà ông nhất định phải đưa cho tôi đọc./.

## Phi Nga



# ĐỂ MẸ ĐI GIẶT NỒI SÀU BÊN SÔNG

Huế, thành phố đã được định nghĩa là nơi “*tang tóc mỉm cười và vui tươi thốn thức*” - “*le deuil sourit, la joie soupire*”. Huế là kinh đô phồn hoa sống động bên cạnh cảnh u tịch trang nghiêm của các lăng tẩm đền thờ.

Địa lý như vậy nên cố đô đã sản sinh ra nhân cách và đặc thù Huế độc đáo như nhà thơ Hà Huyền Chi từng tả sự kín đáo, khó đoán, khó hiểu của người con gái Huế: “*Gái Huế cười duyên sau nón Huế. Trái tim bọc vải quần trăm vòng. Đã như biển động còn e lệ. Tình nắp đàng sau những chân song.*”

Mẹ tôi là gái Huế, mẹ kín đáo, mẹ ý tứ mọi bề. Mẹ ít tâm sự, ít nói về quá khứ với các con khi chúng tôi thắc mắc cuộc sống cô độc, không thân thích của mẹ trên mảnh đất Sài Gòn đã dành mà cả quê ngoại ngoài kia mẹ cũng không hề nhắc đến... Mãi cho đến những năm sau này, mẹ gần 90 tuổi mẹ bắt đầu hé lộ và kể ra một ít chuyện thời xưa.

Khi tôi hưu trí, từ Đức qua ở bên cạnh mẹ nhiều lần, tôi gọi lại những thắc mắc thuở ấu thơ, mẹ mới từ từ kể cho nghe quãng đời con gái. Mẹ gọi đó là những đoạn trường mà chỉ có ai qua cầu mới hay.

Mẹ không có tuổi thơ ám áp, mẹ không có tuổi dậy thì mơ mộng như các con gái của mẹ. Mẹ bôn ba vất lộn với cuộc sống từ thuở mới xong tiểu học. Một quá khứ không có gì vui. Mẹ gói ghém cái nhìn về cố đô Huế qua bốn câu ca dao:

*Khô héo lá gan cây đình Ngự  
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương  
Trôi trôi đình Ngự chìm tìm tổ  
Ngao ngán giòng Hương cá lầy môi.*

Cuộc sống của mẹ tôi chỉ tạm an vui khi mẹ bỏ Huế vào Sài Gòn và hạnh phúc lẫn bình an thật sự khi mẹ sống trên nước Pháp. Mẹ bảo tử vi của mẹ là phải tha phương cầu thực, phải sống xa quê hương càng xa càng tốt, phải bỏ làng quê, ... là những điều không tốt đẹp chi. Theo mẹ, cực chẳng đã người ta mới phải xa lìa quê hương tha phương cầu thực. Mẹ ưa dẫn giải các câu thơ khi nhắc lại quá khứ, khi nhớ lại tuổi thơ buồn

cực: “*Cánh cò công nắng công mưa, mẹ tôi công cả bốn mùa gió sương.*”

Khi đặt bút viết về mẹ, tôi chỉ muốn đề cao lòng mẹ nhưng ngẫm nghĩ lại tình mẫu tử đã được ca tụng, vinh danh qua nhiều thi văn hoặc qua những câu ca dao tục ngữ bình dân truyền khẩu. Lòng mẹ bao la cao quý và tôi nhận thấy khả năng văn chương của tôi không thể và không đủ lời để xưng tụng trong vài trang giấy, thôi thì xin kể lại cuộc đời khá đặc biệt của mẹ và sự tranh đấu sống còn để vươn lên của mẹ - một trẻ mồ côi khi mẹ còn rất nhỏ.

Năm mẹ 10 tuổi, tai biến ụp lên đầu mẹ với hai vành khăn tang trắng trong thời gian rất ngắn. Ngày đó mẹ còn quá nhỏ và quá ngu ngơ để hiểu thảm họa lớn đang đổ xuống cuộc đời của đứa trẻ mồ côi cha mẹ. Hai chị em gái, mẹ và người di, năm đó mới lên năm, được đưa qua ở với người cậu ruột.

Cậu làm việc trong nhà thương lớn tại Huế, có người vợ rất mê đánh bài tứ sắc và bài xếp, những loại bài mà người Huế thường giải trí. Khi cậu leo lên xe kéo để đi đến nhà thương cũng là lúc mợ giao nhà cho người làm, bước qua bên kia hàng rào nơi có một căn nhà chuyên gầy sòng tứ sắc lấy xâu. Mợ chỉ về nhà trước cậu chừng mười lăm phút để cậu không phác giác. Trong nhà ai cũng biết nhưng không dám hé môi.

Cậu tôi là con trai độc nhất, theo tập tục VN ông thừa hưởng căn nhà lớn của ông bà cố, có bốn phạm đảm trách kỹ giỗ, thờ phượng tổ tiên, chăm nom mồ mã. Mợ xuất thân hoàng tộc, là con gái độc nhất một nhà giàu danh giá tại Huế nên của hồi môn mợ đem về bên chồng khá nhiều, khiến nhà chồng nể sợ và cậu bị lép vế. Mợ có rất nhiều nữ trang, đất đai và nhiều mẫu vườn trồng toàn nhãn. Loại nhãn Huế hột nhỏ xíu như hột tiêu, cơm dày vừa giòn vừa ngọt lịm và đây là nguồn huê lợi lớn hàng năm.

Mẹ tôi ở trong một căn nhà rộng lớn có kẻ ăn người ở nhưng thiếu vắng tình thương và sự chăm sóc của cậu mợ. Hai đứa trẻ mồ côi ăn nhờ ở đậu quán lấy nhau mà sống. Nói năng hành động đều phải nhìn theo sắc mặt người lớn. Hoàn cảnh đã tạo cho mẹ già dặn khôn ngoan hơn các trẻ đồng lứa tuổi. Mồ côi khiến mẹ mạnh mẽ, tháo vát, đầy nghị lực. Thời gian

sống với cậu mợ để lại cho mẹ tôi một nỗi buồn và nỗi cô đơn sâu đậm dù được đủ ăn được mặc ấm. Do đó khi chúng tôi bắt đầu lớn, hiểu chuyện chút đỉnh thì mẹ đã răn dạy chúng tôi rằng khi lập gia đình dù hoàn cảnh nào, phải tìm đủ cách, phải biết nhẫn nhịn và khôn khéo để bảo vệ cho con cái một cuộc sống có đầy đủ tình thương của người cha và người mẹ.

Mợ ghiền chơi bài, có lẽ bị cò gian bạc lận nên càng chơi bài càng thua, khi càng thua mợ lại càng muốn gỡ. Gia cảnh sa sút ngày càng rõ trong những bữa ăn trong ngày kỵ giỗ và Tết. Mợ bắt đầu bán dần nữ trang thật thay vào đó là những trang sức giả được mạ vàng. Để rồi trong một đám kỵ giỗ, nơi có nhiều cặp mắt chuyên quan sát, soi mói các trang sức của các mẹ để đánh giá sự giàu có sự hơn thua, mợ bị mấy người bà con khám phá ra những nữ trang bà đeo trên người toàn là đồ giả. Đến lúc đó, họ hàng mới biết mợ ghiền bài bạc. Họ biết nhưng chỉ xầm xì sau lưng nên cậu tôi vẫn không hề hay biết. Mẹ tôi cho rằng ông biết nhưng vờ không biết vì sợ vợ.

Thời gian trôi qua, đồ đạc trong nhà dần dần có người đến mua. Từ những chiếc tủ to làm bằng gỗ Cẩm Lai, những bộ trường kỷ cẩn xà cừ sáng bóng rồi miếng vườn mây mẫu trồng nhãn cũng phải bán để trang trải nợ nần cò bạc. Cậu tôi vừa buồn vừa xấu hổ. Cậu dọn qua căn buồng riêng, không nói chuyện với mợ từ dạo ấy. Trong nhà không ai dám khuyên can và máu mê cờ bạc của mợ càng tăng; càng thua càng tiếc, càng muốn gỡ gạc! Cảnh nhà do đó ngày càng suy sụp, cậu cũng suy sụp tinh thần và nằm liệt sau một cơn đột quy. Đến lúc không còn gì để cầm bán không mượn nợ được nữa, mợ mới không đến các sòng bài...

Hồi nhỏ, chúng tôi được mẹ giáo dục rất khắt khe. Mẹ tôi cấm chúng tôi mọi trò giải trí liên quan đến đồ đen. Ngày Tết, trong xóm, nhà nhà đều có các sòng Bầu Cua Cá Cọp, bài ba lá hay trò chơi lô tô, chúng tôi bị nghiêm cấm không được tham gia. Nhà có con trai, ưa lén đi đánh đáo, đánh bi hay chơi tạt lộn, ăn thua bằng nút phéng hay ăn dây thung, bị mẹ tôi gọi về và bắt nằm dài ra quất bắt kể ngày Tết hay ngày thường. Câu mẹ luôn nói khi quất phạt là “cờ bạc là bác thẳng bàn”.

Những lúc đó chúng tôi ức lắm, trách thầm và cứ so sánh mẹ mình với mẹ của các đứa bạn chung quanh, thấy mẹ mình quá khó, thấy mẹ mình sao mà vô lý quá. Mãi đến hơn năm chục năm sau, khi nghe mẹ kể chuyện xưa, tâm sự đời mẹ tôi mới hiểu nổi ám ảnh từ bệnh ghìền cờ bạc của mợ và làm mẹ sợ khi thấy con mình chơi các trò đen đỏ.

Vì mợ chơi bài bạc, nhà suy sụp, mẹ đang là nữ sinh Đồng Khánh đành phải xếp áo dài trắng, bỏ trường bỏ bạn để phụ mợ việc nhà, phụ làm bánh và bung đi bán. Những ngày đi ngang bến đò, nơi có những chuyền đò đưa đàn nữ sinh áo trắng tha thướt băng qua sông Hương đến trường, mẹ núp sau những cội cây, vừa tủi vừa buồn và nước mắt rung rung.

Huế trời mưa dầm nắng lửa, những ngày mưa thường kéo dài cả tháng không ngừng, mưa Huế mang theo gió lạnh. Ngoài nó có câu “mưa Huế mưa chi mà mưa thúí đất thúí đai”. Ngay cả những ngày không mưa, không khí bàng bạc mù sương, quần áo phơi hoài vẫn ẩm ướt. Mẹ hầu như lúc nào cũng run rẩy trong chiếc áo tơ làm lũi đi giao bánh. Về nhà phải lo cho heo ăn, phụ mợ xay bột, thổi lửa và nướng bánh cho đến khuya. Ngày Tết, mẹ rất tủi thân khi nhìn bạn bè trang lứa thướt tha áo xống. Tuổi mới lớn và đã từng sống một cuộc sống phong lưu, mẹ thềm thường một áo dài tím mặc Tết. Nằm mơ chỉ mơ về tà áo tím và mẹ thềm đến nỗi chỉ mong đi ra đường có ai đánh rớt xấp vải tím cho mẹ lượm.

Nơi mẹ ở mang tên An Cựu, có con sông nắng đục mưa trong. Hàng xóm cậu mợ có mụ Xuân lấy chồng Pháp. Bà có hai con trai sinh đôi tên Vàng và Bạc, lớn hơn mẹ tôi hai tuổi. Hai anh rất thương mẹ như thương người em gái. Khi biết hoàn cảnh mẹ tôi bị ngưng học trong khi mẹ rất ham học nên khi nào mụ Xuân bận đi đánh bài hay đi chợ thì hai anh gọi mẹ tôi sang nhà dạy học thêm tiếng Pháp. Hai anh còn tặng cho mẹ một xấp lụa tím ước mơ. Mẹ tôi nhận nhưng mợ tôi rầy và bắt mẹ tôi phải đem qua trả ngay kéo mụ Xuân biết là khốn khổ và nhục nhã. Xấp lụa là kỷ niệm đẹp của mẹ khiến mẹ nhớ hoài và cũng vì vậy sau này mẹ tôi thường sắm áo lụa tím cho mẹ và cho con gái. Mẹ chiều chuộng các con gái của mẹ như

chiều chuộng lại những ước mơ tuổi mới lớn, một tuổi thơ bầm dập đầy những tai ương khôn khổ của mẹ.

Mùa đông năm 1943, Một mùa đông âm đạm, đói và lạnh. Kinh tế ở kinh đô Huế càng suy sụp. Cậu trở bệnh nặng. Đưa cậu vào nhà thương Huế được hai ngày thì cậu lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng. Đó là đêm kinh hoàng và đau đớn nhất trong đời của mẹ. Người thân yêu gần gũi duy nhất còn lại của mẹ đã ra đi mãi mãi để lại trong mẹ nỗi cô đơn trống trải không có gì bù đắp được.

Liên tiếp trong vòng một năm xáo trộn chánh trị ngoài xã hội, mẹ tôi phải hứng chịu hai cái tang. Biến cố lớn thứ nhì đến với mẹ trong thời buổi đất nước loạn lạc có nhiều xáo trộn và sự hiện diện của các nước Tàu, Nhật, và binh lính Pháp là sự ra đi bất ngờ của người em gái vì cơn đau tim. Người di, em gái độc nhất của mẹ, ra đi không lâu sau cái tang của cậu. Trong tâm trạng cô đơn hoảng loạn, mẹ tôi và mợ chỉ trông cậy vào bà con chòm xóm sang lo liệu đám tang. Người ta mặc cho mẹ tôi chiếc áo xô đi sau quan tài. Đám tang được đưa xuống bến Tể Sanh, đi bằng thuyền, lòn qua cống Thăng Long, ra sông Hương, sau đó đi ngược lên Nam Giao, và an táng tại một cồn mò gần mộ ông bà ngoại và cậu. Chôn cất xong, mẹ tôi lên thuyền về lại căn nhà trống vắng, tê tái trong lòng. Mẹ không còn người ruột thịt nào trên trần gian cả. Mẹ đứng ngẩn ngơ trẻ mồ côi, trợ trợ.

Ông chồng người Pháp của mẹ Xuân, người hàng xóm tốt bụng, đổi ra Quảng Bình. Gia đình mẹ Xuân xin mợ cho mẹ tôi đi theo vì mẹ Xuân muốn mở một quán cà phê tại đó. Mẹ phụ quán mẹ Xuân, làm tất cả mọi việc được giao và vui trong gia đình người dung này được vài năm thì người chồng Pháp trên đường đi công tác bị Việt Minh phục kích và bắn chết. Mẹ Xuân bỏ Quảng Bình về lại Huế. Mẹ tôi đi theo trở về Huế, sau đó mẹ quyết định tự lập buôn bán mưu sinh.

Nhờ vốn liếng tiếng Pháp, mẹ cùng một người bạn gái kiếm được mỗi cung cấp rau tươi từ Huế cho một binh đoàn Pháp đóng tại Quảng Bình mà mẹ đã biết qua ông đầu bếp hay đến quán mẹ Xuân trước đây. Họ nhận rau trước, chỉ trả tiền khi

mẹ đến giao hàng lần sau. Công việc trôi chảy thì đoàn quân đó bất thành thành đổi đi nơi khác khiến mẹ tôi mất mỗi làm ăn và mất luôn số tiền họ thiếu vì không biết họ đã đi đâu. Thời đó số tiền mất này khá lớn, mộng tự lập vỡ tan vì mất vốn.

Qua mai mối, mẹ tôi lập gia đình. Có người hỏi thì lấy chứ mẹ nói mẹ không biết thế nào là tình yêu. Xã hội lúc đó đang rối loạn với phong trào Việt Minh. Miền Trung sôi sục với các cuộc biểu tình chống Pháp cứu nước. Thanh niên nam nữ hăng hái tham gia vì tinh thần yêu nước dưới sự tuyên truyền và chiêu dụ của Việt Minh và Cộng Sản. Họ tổ chức thanh thiếu niên thành hội và đoàn, vừa tuyên truyền vừa gián tiếp hù dọa.

Năm 1953, người chồng quyết định thoát ly gia đình, theo đoàn kháng chiến chống Pháp đi ra Bắc. Mẹ tôi không dám báo tin bất cứ ai kể cả mẹ vì phải đi lén lút và gấp rút. Khi đi với ông, mẹ trong tâm trạng hoang mang lo sợ dùng dằng không muốn nhưng vì “thuyền theo lái gái phải theo chồng!” Lúc đó mẹ mới cần thai. Trong đầu mẹ suy nghĩ đời mẹ phải dính chặt với chồng và đứa trẻ phải có cha. Mẹ luôn tâm niệm con mẹ không thể mồ côi như mẹ từng mồ côi cha mẹ - “*trăng khuya trăng rụng xuống cầu, vì con mẹ phải dãi dầu nắng mưa*”. Vì con, mẹ tôi phải theo chồng khi ông quyết định bỏ Huế đi đến một phương trời xa lạ.

Đoàn người kéo ra Quảng Bình để đi đến điểm tập kết là thành phố Vinh. Đến Đồng Hới, nơi nam nữ được chia ra để chờ lên xe lửa tại nhà ga Thuận Lý. Vì phương tiện di chuyển ít ỏi nên phái nam được ưu tiên đưa đi trước, mẹ tôi và các bạn gái đi từ Huế ra phải chờ đợi hơn mười ngày mà vẫn chưa đến phiên.

Cùng đi với mẹ tôi có hai chị em song sinh tên Sâm và Nhung. Ba chị em được xếp vào một tổ trên suốt quãng đường ra Bắc. Một buổi chiều ngồi bên giòng sông, dưới ánh trăng rằm sáng dịu dàng, mẹ tôi bỗng nhớ những ngày gia đình quây quần bên bếp lửa, khác hẳn với hiện tại, ngồi trong một cánh rừng lạnh lẽo, tâm trạng bơ vơ không thân nhân, không gia đình và một tương lai mờ mịt. Mẹ bỗng nhớ nhà, nhớ Huế thiết tha và bật khóc. Tiếng khóc rung rức nấc nghẹn, cổ ghìm nén của mẹ tôi



khiến hai người bạn chung tổ nghề gần cũng khóc theo. Những lời tuyên truyền hy sinh vì nước vì dân chọt nhẹ bỗng, xa vời. Người chồng cùng đi đến địa điểm bỗng chia tay, không quyến luyến, không tin tức càng làm mẹ tôi lo sợ. Mẹ tôi bàn với hai người bạn cùng tổ phải tìm cách trốn trở về Huế.

Đường quay về, khó khăn gấp trăm lần đường đi ra! Hai người bạn và mẹ tôi không những phải trốn quân Việt Minh mà còn phải trốn quân Pháp, quân Tàu, quân Nhật. Mẹ phải bôi bùn vào mặt và lúi vào những bụi rậm ven đường, chỉ di chuyển chỉ khi hoàng hôn xuống. Trong thời buổi tranh tối tranh sáng nào lính Pháp, lính Nhật, lính Tàu, và nhóm Việt Minh nên cuộc di chuyển bội phần nguy hiểm. Nếu không bị bắn chết ngay thì chắc chắn sẽ bị hãm hiếp tập thể đến chết.

Được Ông Trên che chở nên sau một tuần đói khát, mất ngủ và sợ hãi, cuối cùng mẹ tôi quá giang được một chiếc ghe buôn về Huế an toàn. Mẹ quay về căn nhà cũ, giờ chỉ còn mợ với nỗi cô độc vây quanh và sự hoảng loạn về những ngày sắp tới...

Huế nghèo lại khó khăn đây cô hủ. Huế phong kiến, Huế dị nghị. Huế dè bủ đàn mẹ không chồng mà có con. Những điều đó đã đẩy mẹ tôi xa Huế. Ôm đứa con còn đỏ hỏn, mẹ quyết định bỏ Huế đi vào Sài Gòn. Dịp may đã đến, mẹ đi theo một người quen trước đây từng làm chung với cậu tại nhà thương lớn Huế. Ông này được bổ về Sài Gòn làm tại nhà thương Grall mà người Việt gọi là nhà thương Đồn Đất. Không suy nghĩ lâu, mẹ xin theo gia đình đó xuôi Nam. Mẹ nương náu một thời gian ngắn tại nhà người ân nhân này rồi ra riêng khi có việc làm.

Lúc nhỏ, mẹ tôi tư chất thông minh, học rất giỏi và được ông hàng xóm lai Pháp kèm thêm nên mẹ rất khá Pháp văn. Nhiệm vụ của mẹ là đi theo bác sĩ ghi chép và thông dịch, một công việc mà mẹ tôi không ngờ mình có được.

Tôi học nơi mẹ tôi sự mạnh mẽ. Mẹ có dũng khí chiến đấu cuộc sống, chấp nhận mọi hoàn cảnh để vươn lên để lo cho con của mẹ. Đất Sài Gòn bao dung, dân tình cởi mở đã cho mẹ niềm vui, cơ hội và may mắn.



Năm đó, mẹ rất trẻ đẹp nên khi vào Sài Gòn mẹ được rất nhiều người theo đuổi. Mẹ tôi lập gia đình lần nữa. Cha tôi mang giòng máu Bắc, gốc Hà Nội, một mình đi vào Nam. Vì thế chúng tôi không có ông bà nội, ngoại như các đứa trẻ khác và cũng không có quê để về thăm. Tôi đã cẩn bút trước bài luận văn có đề luận bắt tả ba tháng hè ở quê. Cha tôi cũng đã một lần đổ vỡ, khi đến với mẹ tôi ông đã có một người con trai. Cha tôi là một người tốt bụng, rộng rãi, khoan dung và ông rất thương đứa con gái riêng của vợ. Ông đã tận tụy nuôi tôi khôn lớn, cho tôi một tình yêu phụ tử tuyệt đối vô điều kiện.

Thời gian ở Sài Gòn, mẹ có dẫn tôi đến nhà các người chị em bên nội của mẹ mà tôi gọi là các mẹ O để tôi ra mắt và để bên đó nhìn cháu gái. Lần thăm viếng đó khiến tôi rất bất ngờ lẫn buồn cười. Dưới mắt tôi, nhà mẹ O tôi giàu lắm, có một tiệm bán sách nằm trên đường Nguyễn Huệ. Căn nhà riêng của mẹ O rất bề thế, được trưng bày lộng lẫy xa hoa. Độc đáo nhất và chóa mắt nhất là chiếc đàn piano sừng sừng giữa phòng khách. Đối với tôi, đây là biểu tượng một giai cấp cao sang quyền quý khiến tôi hâm mộ lẫn thèm thường.

Đến trưa, mẹ con tôi ở lại dùng cơm theo lời mời của mẹ O. Phòng ăn, rộng bằng cả căn phố gia đình tôi đang ở, sang trọng với một chiếc bàn hình bầu dục (oval) làm bằng gỗ Cẩm Lai, với sáu chiếc ghế bọc nệm được cẩn thận bọc thêm bên ngoài một lớp nylon trong suốt, rất đẹp, rất sạch sẽ, và lạ mắt. Lần đầu được bước chân vào trong một căn nhà rộng lớn, sang trọng tôi thích lắm và cũng rất hãnh diện khi thấy bà con mình từ Huế vô Sài Gòn lập nghiệp nay đã thành công giàu có. Trong lúc vui sướng được mời ở lại ăn trưa thì tôi bỗng ớ người ra, há hốc mồm vì lạ lùng khi chị người làm nhờ tôi trải báo xuống nền gạch bông và xếp chén đĩa cùng thức ăn lên đó. Mẹ tôi cũng bất ngờ như tôi khi thấy cả gia đình mẹ O xếp bàn ghế ngồi xuống đất dùng cơm thay vì ăn cơm trên bàn. Hóa

ra chiếc bàn được chung đó chỉ để cho đẹp giống như những bộ bàn ghế làm mẫu trong các tiệm bán đồ gỗ. Bước ra khỏi nhà mẹ O, hai mẹ con không ai bảo ai phá lên cười ngặt nghẽo. Cả tuần sau, khi phải chân leo lên bộ ván, xếp bằng ngồi ăn cơm, hai mẹ con chúng tôi nhớ lại chuyện buổi cơm khách, nhìn nhau và không ai bảo ai lại phá lên cười...

Tôi nhớ tới cây đàn piano thật to tại phòng khách và trong thâm tâm tự hỏi không biết các anh chị trong căn nhà lộng lẫy đó có biết đàn dương cầm không hay cây đàn cũng chỉ là một vật trang trí trong nhà giống bộ bàn ăn sáu ghế gỗ Cẩm Lai?

Mẹ nói người miền Trung tánh tần tiện, chịu khó làm lụng nên mau giàu. Bên cạnh đó, mặt mũi bề ngoài cũng rất quan trọng. Cách sống không dám hưởng thụ dù giàu có của nhà mẹ O cũng bởi cuộc sống tại miền Trung quá khó khăn. Mẹ tôi giải nghĩa như vậy để tôi hiểu và không đem đề tài này ra chọc cười nữa. Mẹ tôi là người Thầy vĩ đại đời tôi.

Số phận mờ côi sống nhờ bà con từ nhỏ đã hun đúc cho mẹ đức tính gan lì và mạnh mẽ. Mẹ trong mắt tôi là một dũng sĩ xông pha trong cuộc sống. Một thân một mình, mẹ tự lực cánh sinh nơi xứ lạ quê người, vốn liếng chỉ là hai bàn tay trắng. Đúng là: *“Mẹ đi gánh nước ban mai, gánh hai ngọn núi với hai mặt trời”*.

Làm trong nhà thương một thời gian, mẹ tôi lại tự thử thách khả năng. Mẹ thấy chỉ có buôn bán mới khá: “phi thương bất phú” nên mẹ bỏ việc. Mẹ gom tất cả số vốn khiêm nhường của mình nhảy ra buôn bán. Nhờ sự cần mẫn, nhờ lòng yêu thương và sự hy sinh vô bờ bến của cha mẹ, chúng tôi có một cuộc sống phong lưu, một tuổi thơ đầy niềm vui và hạnh phúc, đầy đủ vật chất như những gia đình sung túc tại Sài Gòn. Mẹ tôi không muốn con cái thua thiệt với bạn bè trang lứa như mẹ ngày xưa. Sự bỏ học vì hoàn cảnh gia đình trong quá khứ là một vết thương mà mẹ nói không bao giờ lành, vẫn làm mẹ nhức nhối. Mẹ răn đe chúng tôi bằng đủ mọi cách, bắt các con phải cố gắng có ít nhất hai bằng tú tài. Những gì mẹ thiếu thốn, thèm khát lúc tuổi thơ, mẹ đáp đổi cho đám con mình.

---

Năm quân đội Mỹ đóng quân tại Cam Ranh - Đà Nẵng, mẹ bắt

tay với các nhà thầu quân đội người VN. Mẹ đem hàng hóa mỹ phẩm đóng thành nhiều kiện hàng, đi theo những chuyến xe đò ra giao hàng cho những mối buôn bán ngoài đó. Đây là một việc làm khá nặng nhọc, vất vả lẫn nguy hiểm cho một người đàn bà nhưng mẹ tôi bằng sức, bằng tài trí, và bằng lòng gan dạ, mẹ đã làm được trong nhiều năm đi buôn hàng chuyến. Có lần, trên chuyến xe ra miền Trung, mẹ tôi ngồi phía sau với vài cô gái còn rất trẻ. Qua vài câu chuyện vãn, mẹ hiểu ra trên chuyến xe có một băng chuyên gạt các cô gái ngây thơ thật thà đến từ lục tỉnh miền Tây. Các cô tưởng mình ra Cam Ranh để làm thư ký mà không hề biết là đang đi vào cạm bẫy buôn bán tình dục trong các quán bar trá hình đang chờ đợi mặt hàng mới bổ sung. Đa số họ là gái dưới tỉnh, qua trung gian đi lên Sài Gòn tìm việc rồi được đưa ra Cam Ranh, Đà Nẵng vào các quán bar làm việc. Muốn quay về không dễ dàng vì trước đó họ đã lãnh trước một số tiền để gửi về quê cho cha mẹ và họ bị giám sát bởi những tay côn đồ ác ôn làm việc cho đám chủ động. Có vài lần, mẹ tôi nghe kể là trong các thùng rác lớn của quân đội Mỹ, người ta đã trông thấy xác của các thiếu nữ vô danh bị vất bỏ. Cha mẹ dưới quê mất con, không biết tìm kiếm chỗ nào. Lòng nhân đạo đã khiến mẹ nhỏ to khuyên nhủ hai cô gái ngồi kế. Kết quả là khi xe dừng lại cho tài xế đổ xăng ăn uống, khách đi tiểu tiện thì hai cô bỏ trốn. Khi khám phá thiếu hai cô, người đầu nậu đã nhìn mẹ tôi với đôi mắt nẩy lửa kèm theo những câu chửi rủa lẫn hăm he. Sợ quá, mẹ bỏ vé xe đò này, đổ hàng xuống đất, chờ đi tiếp chuyến xe thứ hai có tài xế quen. Lần đó tới khuya xe mới vào đến Cam Ranh và cũng là lần cuối mẹ đi chuyến hàng đường dài.

Đó là một trong nhiều việc tôi chứng kiến, tôi thấy mẹ hay giúp người, giúp những thiếu nữ lỡ đại có bầu trốn nhà đi xin việc làm người ở đợ. Mẹ cho họ có một nơi nương náu. Đến khi sanh con cứng cáp thì mẹ cho họ tiền để quay về nhà hay đi làm việc khác. Mẹ đã thọ ơn nhiều người trong đời nên Mẹ sẵn sàng giúp người khác, trong tâm mẹ đã có sẵn chữ Trí, chữ Bi sau chữ Dũng!

Liên tiếp những đứa em ra đời, mẹ tôi không đi buôn hàng chuyến nữa mà xoay ra buôn bán vàng và hột soàn. Tôi là trợ

thủ đắc lực của mẹ. Đi học buổi chiều thì buổi sáng tôi được mẹ phái đi giao hàng. Các chiếc nhẫn kim cương xinh xắn được mẹ cột gút chặt vào chéo góc chiếc khăn mù xoa và cứ thế tôi, con bé mười ba mười bốn tuổi, đạp xe đi giao hàng cho các bác các cô. Sau đó mẹ đến lấy tiền. Việc buôn bán trôi chảy do lòng tin tưởng uy tín với nhau thời ấy. Không chứng từ, không đặt cọc và không lừa gạt nhau. Thời gian đó con người vẫn còn chân thật, còn trọng chữ tín.

Cuộc sống gia đình sung túc dần. Cha tôi làm cho Ty Kiểm lâm trên vùng Quảng Đức, trên các vùng cao nguyên nên vắng nhà thường xuyên, có lúc cả mười ngày. Khi ông về, cuối tuần chúng tôi được cha mẹ lừa lên chiếc xe Citroen đưa đi chơi, khi thì Suối Tiên, Thủ Đức, lúc Vũng Tàu. Khi mùa hè đến, chúng tôi có dịp được lên Đà Lạt. So với bạn bè chung xóm, tôi là đứa được biết nhiều nơi danh lam thắng cảnh ngoài thủ đô Sài Gòn.

Ngoài việc ăn ngon chơi xa, điều tôi nhớ nhất là cha mẹ rất quan trọng chuyện học của các con, sẵn sàng đóng tiền cho con vào các trung tâm luyện sinh ngữ, toán lý hóa. Các em tôi được đóng tiền học chương trình Pháp từ mẫu giáo. Tôi hiểu mẹ tôi đã cố sửa đổi chuyện học hành dở dang thời niên thiếu của mình vào đàn con trẻ.

Bản thân mẹ tôi cũng ham học và mẹ có một trí nhớ tuyệt vời về thơ văn ca dao tục ngữ. Trong các câu chuyện răn dạy chúng tôi quanh bàn ăn, mẹ nói nhiều câu ca dao hợp vào từng trường hợp làm cho câu truyện hấp dẫn hay ho hơn rất nhiều. Tôi từng nghĩ nếu mẹ viết văn, mẹ sẽ rất thành công.

Giáng sinh năm nay mẹ được 94. Nhờ trời, trí nhớ mẹ vẫn còn tốt. Mẹ kể chuyện xưa, nhớ tên và nhớ cả tật xấu của các người bạn. Cách đây hai mươi năm, vào năm 2000, nhóm bạn của mẹ có gần hai chục người. Cứ mỗi ngày thứ năm là mẹ chộn rộn sửa soạn sắc đẹp và áo quần ra quận 13 ở Paris để gặp bạn. Các mẹ cùng nhau chuyện trò ăn uống.

Thời gian trôi qua, nay nhóm bạn chỉ còn lại vài ba người. Đa số đã về cát bụi hay sống những ngày già trong trại dưỡng lão vì những giới hạn trí nhớ hay sức lực. Mẹ tôi vẫn ở một mình

trong căn appartement của mẹ nơi quận 15. Các em muốn đem mẹ về ở chung nhưng mẹ không thuận. Người già không muốn có sự thay đổi nhưng với mẹ sự độc lập vẫn rất quan trọng. Ban ngày có người đến nhưng chiều tối mẹ làm bạn với ti-vi, với ipad, với các audio book đọc truyện. Mẹ rất ái mộ các nhà văn. Có lần mẹ đã nói: “Mẹ đặt các văn sĩ ngang hàng những danh tướng.” Quả mẹ tôi có những nhận xét độc đáo khiến tôi luôn suy ngẫm những nhận định của mẹ với lòng ngưỡng mộ.

Từ đầu năm 2020 tôi chưa qua Paris thăm mẹ vì tình hình dịch COVID-19. Nhìn qua camera hay khi facetime, thấy mẹ cô đơn trong căn nhà tối, lòng tôi bồi ngùi thương cảm. Đó là cảm nhận của tôi chứ mẹ không bao giờ than vãn cuộc sống lẻ loi một mình. Mẹ luôn tự lực tự cường tự tin và ngạo ngễ như bao giờ. Mẹ luôn bảo nhìn xuống còn biết bao cảnh đời bất hạnh nên lúc nào mẹ cũng cảm tạ Ông Trên và hài lòng với những gì đang có. Mẹ luôn là một tấm gương cho chúng tôi noi theo và là chỗ dựa tinh thần cho các con khi chúng tôi gặp những điều bất như ý. Thỉnh thoảng tôi vẫn tự hỏi bên ngoài sự mạnh mẽ biểu lộ, bên trong mẹ nghĩ gì vì tôi nghĩ tâm tư người Huế là một tảng băng chìm không bao giờ nhìn thấu.

Mẹ mạnh mẽ để các con yên lòng với gia đình riêng, không áy náy với hạnh phúc riêng khi mẹ sống một mình trong lứa tuổi 94 chẳng? Mẹ tôi đó, một cây đa to lớn che chở đàn con cho đến lúc tàn hơi, *“Con đâu lớn vẫn là con của mẹ, Di hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”*

Từng ngày, từng giờ tôi cầu nguyện cho mẹ tôi sống mạnh khỏe và minh mẫn dù mẹ đọc kinh hàng ngày, muốn Ông Trên cho mẹ ra đi nhẹ nhàng chóng vánh, không làm phiền con cái hay nhân viên y tế phải cực nhọc săn sóc. Ôi mẹ tôi! Mẹ luôn nghĩ về người khác, luôn nghĩ rằng chuyện đến và đi trong đời này đều là ân sủng nên bình thản và chấp nhận.

Mẹ tôi, vật báu mà Thượng Đế ban phát cho chúng tôi đến năm nay vẫn còn đó, người mà tôi chỉ có thể mượn hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương để ca tụng *“Ngôn ngữ trần gian là túi rách, chứa sao đầy hai chữ mẹ ơi.”*

Thời gian của mẹ bây giờ được tính từng ngày mà từng ngày

tôi chỉ được nhìn mẹ qua màn ảnh! Con virus nhỏ bé là một bức chắn khổng lồ oái ăm chia cắt. Những lần tôi than thở thì chính mẹ với những lời khích lệ đã làm cho những đứa con phấn chấn, lên tinh thần và hy vọng tương lai.

Mẹ tôi, như câu thơ của NN Danh “*Mẹ ru em ngủ bên cầu, để mẹ đi giặt nổi sều bên sông.*” Luôn luôn trước các nổi sều lo, mẹ đều có cách để giải quyết, cố gắng sống nghị lực, và không âu sầu để đàn con yên lòng đừng quá lo lắng áy náy về mẹ.

Thời dịch bệnh này, tâm trạng tôi bất an. Có những đêm khuya bỗng thức giấc, bỗng lo sợ tràn về, tôi bấm camera lên tìm kiếm mẹ. Ánh đèn vàng của đèn đường trên đại lộ hắt vào cửa kính căn phòng, tôi thấy mẹ nằm ngủ an bình, ngay ngắn. Cảm giác yêu thương làm tôi ngất ngây trong ngắn lẽ. Tôi nhớ mấy câu thơ của Đặng Lệ Khánh:

*“Mẹ vui theo đám con vui  
Mẹ đau mỗi lúc con vờ vợi đau  
Mẹ chia con những giọt sều  
Nổi đau riêng mẹ ai cầu cùng chia...”*

Các con mỗi đứa có cuộc sống riêng, mẹ nhiều năm vẫn cô đơn cô độc. Mẹ có mối tình mới không? Mẹ có hạnh phúc không? Mẹ không hề thối lộ. Đời sống nhiều truân chuyên của mẹ nếu tôi không khơi ra mẹ cũng



không nói. Mẹ không than không trách và cũng không buồn vì tâm của mẹ là tâm bình an của Phật, luôn sống vui, luôn giữ lòng vui và ngộ ra hạnh phúc đến tự chính mình.

Sau này tôi cũng sẽ sống với lối sống giữ lòng vui như mẹ.

**Phi Nga**